TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc.**

Bản án số: 15/2018/KDTM-ST
Ngày: 28 - 8 - 2018.
V/v: " *Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ-THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân**:** Bà **Nguyễn Thị T Hà** và ông **Nguyễn Hữu Trọng**

- Thư ký phiên toà: Bà **Đỗ Thị Luân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà: Bà **Triệu Thị Hồng** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số:12/2018/TLST- KDTM ngày 19 tháng 6 năm 2018 về: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXX-ST ngày07/8/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1983. HKTT: Tổ 21, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Phú T**, sinh năm 1962. Địa chỉ: Phòng 102-D10, tập thể V, phường T, quận Đ, Hà Nội (*Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 30/10/2017 tại Văn phòng công chứng H – TP. Hà Nội)*. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH DTV TV (sau đây gọi tắt là công ty TV). Địa chỉ: Xóm T, xã Đ, huyện C, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Mưu Thị T, sinh năm 1984 – Giám đốc công ty. Có mặt.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Luật sư **Nguyễn Tiến Tr** – Công ty Luật TNHH TN – Thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/9/2016, bà Hoàng Thị H và công ty TV do bà Mưu Thị T – giám đốc công ty TV, đã ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01.2012/HĐMB (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 01.2012/HĐMB), theo đó: Bà H mua của công ty TV với số lượng 54.000kg cánh gà Tr (giữa) có nguồn gốc được sản xuất tại Brazil; đơn giá: 1,250 USD/kg; thành tiền giá trị hợp đồng là 67.500 USD và giao hàng tại Cảng Hải Phòng; Phương thức thanh toán: Bên mua thanh toán trước 30% tiền hàng tương đương với 20.250USD, số tiền còn lại sẽ được thanh toán khi hàng hóa được giao nhận toàn bộ theo đúng thỏa thuận. Giữa các bên không ký kết phụ lục hợp đồng mua bán nào khác. Mục đích mua hàng của bà H để kinh doanh.

Ngày 12/9/2016, bà H đã chuyển khoản cho bà T số tiền 445.000.000đồng tương đương với 20.250USD qua số tài khoản của bà T 19910000088518 tại Ngân hàng BIDV theo Giấy nộp tiền mặt ngày 12/9/2016, người thụ hưởng là Mưu Thị T, người nộp tiền Hoàng Thị H.

Thời hạn thực hiện Hợp đồng theo Hợp đồng mua bán 01.2012/HĐMB là đến khi giao hàng xong, nhưng qua nhiều lần yêu cầu thực hiện Hợp đồng nhưng phía công ty TV không thực hiện được, vì vậy bà H có Công văn số 64/2017/CV-LTN, ngày 28/12/2017gửi công ty TV yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng hoặc hoàn trả số tiền đã thanh toán trước. Công ty TV có Công văn phúc đáp đề nghị được trả dần số tiền bà H đã tạm ứng trước. Sau khi nhận được công văn của công ty TV thì bà H không đồng ý với yêu cầu trả dần tiền. Như vậy việc công ty TV thừa nhận không thể thực hiện được Hợp đồng nên đề nghị trả tiền được coi là Hợp đồng không thể thực hiện và các bên chấm dứt việc thực hiện Hợp đồng.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc công ty TV hoàn trả số tiền 445.000.000 đồng do bà H đã chuyển khoản đến công ty ngày 12/9/2016 theo Hợp đồng số 01.2012/HĐMB, ngày 10/9/2016.

- Phạt vi phạm hợp đồng đối với công ty TV với số tiền 445.000.000 đồng x

8% = 35.600.000 đồng; lý do theo Điều 8 của hợp đồng các bên đã thỏa thuận mức phạt vi phạm cao nhất là 08%.

- Công ty TV phải chịu tiền lãi quá hạn do chậm thanh toán theo lãi suất cơ bản của Ngân hành Nhà nước Việt Nam là 09%/năm (tương đương 0,0375%/ngày), tính từ ngày12/9/2016 đến thời điểm 20/3/2018 (554 ngày) là: 92.448.750 đồng.

Tổng cộng công ty TV phải trả bà H số tiền tạm tính đến ngày 20/3/2018 là: 445.000.000 đồng + 35.600.000 đồng + 92.448.750 đồng = 573.048.750 đồng.

Đối với yêu cầu Bồi thường thiệt hại về vật chất, nay bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - bà Mưu Thị T trình bày và xác nhận trong quá trình giải quyết vụ án:

Bà là giám đốc và đại diện theo pháp luật của công ty TV. Ngày 10/9/2016, công ty TV, do bà đại diện có thỏa thuận cùng ký kết Hợp đồng số 01.2012/HĐMB với bà Hoàng Thị H nội dung: Công ty TV bán cho bà H 54.000kg cánh gà trung (giữa) có nguồn gốc được sản xuất tại Brazil; giá: 1,250 USD/kg; thành tiền giá trị hợp đồng là 67.500 USD; địa điểm giao hàng tại Cảng Hải Phòng; Phương thức thanh toán: bên mua thanh toán trước 30% tiền hàng tương đương với 20.250USD, số tiền còn lại sẽ được thanh toán khi hàng hóa được giao nhận toàn bộ theo đúng thỏa thuận. Thời gian chấm dứt hợp đồng là thời điểm giao hàng xong.

Sau khi ký hợp đồng, bà H chuyển khoản thanh toán trước qua tài khoản của bà T mở tại Ngân hàng BIDV số tiền 445.000.000 đồng. Sau khi giao kết hợp đồng với bà H, bà đã giao dịch với bên cung cấp ở Brazil, sau đó bên Brazil hủy nên công ty TV không có hàng trả cho bà H.

Vì vậy công ty TV chấp nhận trả lại số tiền 445.000.000 đồng cho bà H. Công ty TV đã thanh toán trả bà H được 3.000.000 đồng, đề nghị được đối trừ vào số tiền gốc còn nợ.

- Công ty TV chấp nhận trả số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 35.600.000 đồng.

- Đối với số tiền lãi do chậm thanh toán bà đề nghị bà H không tính lãi.

- Đối với số tiền 277.000.000 đồng mà chồng bà là ông Đặng Xuân T đã chuyển khoản cho anh Phạm Thanh T, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Xác nhận công ty TV đã chuyển trả tiền cho bà H 03 lần, tổng là 3.000.000 đồng. Về yêu cầu khởi kiện, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

- Đại diện của Bị đơn trình bày: Xác định thời điểm công ty TV có văn bản số 01/2018 phúc đáp Công văn 64 của công ty luật TN là ngày 04/01/2018, chứ không phải là ngày 04/01/2017. Xác định hợp đồng đã được chấm dứt từ ngày 23/12/2016, ngày mà chị T chuyển tiền online 450.000.000 đồng, mặc dù sau đó ngày 26/12/2016 chị T thực hiện lệnh hủy chuyển tiền. Đến nay, trước yêu cầu khởi kiện của bà H, công ty TV vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

*Về tố tụng:*Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành quy định pháp luật về thực hiện quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thời hiệu khởi kiện: Xét thấy ngày 25/10/2017 công ty TV đã bắt đầu thực hiện việc hoàn trả nợ cho bà Hoàng Thị H số tiền 2.000.000đồng; như vậy, kể từ thời điểm ngày 25/10/2017, công ty TV đã tự chấm dứt việc thực hiện nghĩa vụ của Hợp đồng số 01.2012/HĐMB về việc giao hàng (cánh gà) cho bà H. Ngày 23/3/2018, Nguyên đơn - bà Hoàng Thị H khởi kiện là trong thời hiệu theo quy định tại Điều 319 Luật Thương mại.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp:

Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01.2012/HĐMB được ký kết giữa Công ty TV (có đăng ký kinh doanh) và bà Hoàng Thị H đều có mục đích lợi nhuận, nên là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại khoản 2 Điều 09 của Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01.2012/HĐMB, các bên có thỏa thuận: "*Trường hợp các bên không tự giải quyết được mới đưa vụ tranh chấp ra Toà án*". Hiện Bị đơn – công ty có Công ty TV trụ sở chính tại xã Đại Yên - huyện Chương Mỹ – Hà Nội. Do vậy căn cứ điểm c khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ – Hà Nội.

[2].Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét hợp đồng mua bán hàng hóa số 01.2012/HĐMB: Xem xét lời khai của Nguyên đơn, Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định: Ngày 10/9/2016, bà Hoàng Thị H và công ty TV đã ký Hợp đồng số 01.2012/HĐMB, theo đó bà H mua của công ty TV 54.000kg cánh gà trung (giữa) có nguồn gốc được sản xuất tại Brazil; đơn giá: 1,250 USD/kg;Thành tiền 67.500 USD và giao hàng tại Cảng Hải phòng; Phương thức thanh toán: bên mua thanh toán trước (30% x 67.500) tiền hàng tương đương với 20.250USD, số tiền còn lại sẽ được thanh toán khi hàng hóa được giao nhận toàn bộ theo đúng thỏa thuận. Ngày 12/9/2016, bà H đã chuyển khoản cho công ty TV theo số tài khoản 19910000088518 của bà T tại Ngân hàng BIDV 445.000.000 đồng (theo Giấy nộp tiền mặt ngày 12/9/2016).

Như vậy, Hợp đồng số 01.2012/HĐMB giữa bà Hoàng Thị H và công ty TV được ký kết trên cơ sở tự nguyện, có hình thức và một số nội dung phù hợp với luật Thương Mại; riêng nội dung tại Điều 1 các bên đã thỏa thuận về giá trị hợp đồng là "67.500 USD", thỏa thuận này là trái với Điều 22 Pháp lệnh 06/2013/PL-UBTVQH13 sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh 28/2005/PL-UBTVQH11 về quản lý ngoại hối "*Trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các hình thức tương tự khác của người cư trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối, trừ các trường hợp được phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*" nên thỏa thuận này là vô hiệu.

Tuy nhiên quá trình thực hiện hợp đồng, bên mua hàng (bên Nguyên đơn) lại thanh toán cho bên bán hàng (bên Bị đơn) bằng tiền Việt Nam đồng, cụ thể số tiền 445.000.000đồng. Như vậy, phần thanh toán trước bằng tiền Việt Nam đồng và các điều khoản khác của Hợp đồng số 01.2012/HĐMB phù hợp với luật Thương Mại nên hoàn toàn hợp pháp và có hiệu lực thi hành.

[2.2] Xét yêu cầu của Nguyên đơn, đề nghị công ty TV hoàn trả số tiền 445.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy: Như đã phân tích và nhận định tại mục [2.1], Hợp đồng số 01.2012/HĐMB có hiệu lực đối với phần thanh toán trước bằng tiền Việt Nam đồng, cụ thể: Ngày 12/9/2016, bà H đã chuyển khoản cho công ty TV 445.000.000 đồng theo đúng thỏa thuận, nhưng công ty TV đã không thực hiện được đúng cam kết về việc giao hàng cho bà H như thỏa thuận trong Hợp đồng trên, đã vi phạm Điều 34 Luật Thương mại. Do không thực hiện được việc giao hàng cho bà H (theo bà Mưu Thị T do công ty TV không nhận được hàng của công ty ở Brazil, mặc dù đã tìm kiếm các nguồn hàng khác nhưng không có), nên ngày 23/12/2016, công ty TV đã chuyển trả lại tiền cho bà H số tiền 450.000.000 đồng theo hình thức chuyển khoản qua dịch vụ MB eBanking của Ngân hàng TMCP Q (BL 59,60), nhưng ngày 26/12/2016, công ty TV đã yêu cầu Ngân hàng TMCP Q hủy lệnh chuyển tiền, nên bà H đã không nhận được số tiền 450.000.000 đồng (BL 61, 62).Ngày 28/12/2017, phía bà H đã gửi Công văn số 64/2017/CV-LTN (thông qua công ty luật TNHH TN) cho công ty TV yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng hoặc hoàn trả số tiền đã thanh toán trước; phía công ty TV có Công văn số 01/2018/CV-TL ngày 04/01/2017(nay bà T xác định là ngày 04/01/2018) phúc đáp đề nghị Công văn số 64, được trả dần bà H số tiền đã tạm ứng trước.

Tuy nhiên, tài liệu do bà T xuất trình là các Giấy nộp tiền tại Ngân hàng TMCP VietinBank vào tài khoản số 8314205001505 của bà Hoàng Thị H tại Ngân hàng Agribank CN T, tỉnh Cao Bằng, thể hiện ngày 25/10/2017 công ty TV đã bắt đầu thực hiện việc hoàn trả nợ cho bà H số tiền 2.000.000đồng, đến ngày 18/12/2017 là 500.000đồng, 21/12/2017 là 500.000đồng,

Như vậy, kể từ thời điểm ngày 25/10/2017, công ty TV đã tự chấm dứt việc thực hiện nghĩa vụ của Hợp đồng số 01.2012/HĐMB về việc giao hàng (cánh gà) cho bà H. Hợp đồng trên đã bị đình chỉ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 310 Luật Thương mại, theo đó bên mua hàng – bà H được quyền yêu cầu bên bán – công ty TV phải hoàn trả số tiền đã tạm ứng là có căn cứ chấp nhận theo quy định

tại khoản 1 Điều 311 Luật Thương mại.

Công ty TV đã trả nợ cho bà H tổng số tiền 3.000.000đồng, còn phải hoàn trả cho bà H là: 445.000.000đồng – 3.000.000 đồng = 442.000.000 đồng. (1)

[3.2] Xét yêu cầu của Nguyên đơn đề nghị công ty TV phải chịu khoản phạt vi phạm hợp đồng là 445.000.000 đồng x 8% = 35.600.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Điều 300 Luật Thương mại quy định "*Phạt vi phạm là việc bên bị vi phạm yêu cầu bên vi phạm trả một khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng nếu trong hợp đồng có thỏa thuận, trừ các trường hợp được miễn trách nhiệm được quy định tại Điều 294 của Luật này*"; Điều 301 Luật Thương mại quy định "*Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, trừ trường hợp quy định tại Điều 266 của Luật này*". Tại Điều 8 Hợp đồng số 01.2012/HĐMB, các bên có thỏa thuận như sau: "*Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trên, không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng, bên nào không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng sẽ bị phạt tới 3% giá trị của hợp đồng bị vi phạm (cao nhất là 8%)*". Như vậy, việc thỏa thuận phạt vi phạm của các bên là phù hợp với các Điều 300, 301 Luật Thương mại.

Về giá trị của hợp đồng số 01.2012/HĐMB bị vi phạm: Như đã phân tích và nhận định tại mục [2.1], Hợp đồng số 01.2012/HĐMB có hiệu lực đối với phần thanh toán trước 445.000.000 đồng, nên Nguyên đơn đề nghị tính giá trị hợp đồng bị vi phạm 445.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về mức phạt: Nguyên đơn đề nghị áp dụng mức phạt 08%, tương đương số tiền phạt là 35.600.000 đồng và Bị đơn cũng chấp nhận mức phạt này. Do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này, công ty TV phải trả tiền vi phạm là 35.600.000 đồng. (2)

[3.3] Xét yêu cầu của Nguyên đơn đề nghị công ty TV phải chịu tiền lãi quá hạn do chậm thanh toán theo lãi suất cơ bản của Ngân hành Nhà nước Việt Nam là 09%/năm (tương đương 0,0375%/ngày), tính từ ngày 12/9/2016 đến thời điểm 20/3/2018 (554 ngày) là: 92.448.750 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số*

tiền chậm trả đó theo ***lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường*** *tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*".

Như đã phân tích và nhận định tại mục [2.2], kể từ thời điểm ngày 25/10/2017, công ty TV đã tự chấm dứt việc thực hiện nghĩa vụ của Hợp đồng số 01.2012/HĐMB, nhưng công ty TV đã không hoàn trả đầy đủ số tiền bà H đã tạm ứng trước cho công ty TV, vậy thời điểm công ty TV phải chịu lãi quá hạn phải bắt đầu từ ngày 25/10/2017, chứ không phải từ ngày 12/9/2016 như Nguyên đơn đề nghị.

Lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng thương mại trên thị trường tại thời điểm thanh toán (28/8/2018) là: [(Vietcombank 7,2%/năm + Eximbank 11%/năm + BIDV 7,5%/năm) x 150%] : 3 = 12,85%/năm = 0,03569%/ngày.

Như vậy, mức lãi suất (0,0375%/ngày) Nguyên đơn đề nghị áp dụng không được chấp nhận.

Công ty TV phải chịu khoản lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả như sau:

- Ngày 25/10/2017 công ty TV đã trả 2.000.000 đồng, nên lãi từ ngày 25/10/2017 đến ngày 18/12/2017 là: (445.000.000 – 2.000.000) x 49 ngày x 0,03569%/ngày = 7.747.000 đồng;

- Ngày 18/12/2017 công ty TV đã trả 500.000 đồng, nên Lãi từ ngày 19/12/2017 đến 21/12/2017 là: (443.000.000 – 500.000) x 03 ngày x 0,03569%/ngày = 474.000 đồng;

- Ngày 21/12/2017 công ty TV đã trả 500.000 đồng, nên lãi từ ngày 22/12/2017 đến ngày 28/8/2018 là: (442.500.000 – 500.000) x 249 ngày x 0,03569%/ngày = 39.279.000 đồng.

Tổng cộng lãi công ty TV phải trả cho bà H là: 47.500.000 đồng. (3)

Như vậy, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bà H đối với số tiền lãi quá hạn là 47.500.000 đồng (số tiền lãi bà H yêu cầu không được chấp nhận là: 92.448.750 đồng – 47.500.000 đồng = 44.949.000 đồng).

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án:

- Bị đơn – công ty TV phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho Nguyên đơn là (1) + (2) + (3) = (442.000.000 đồng + 35.600.000 đồng + 47.500.000 đồng) = 525.100.000 đồng là 25.004.000 đồng.

- Nguyên đơn – bà H phải chịu án phí đối số tiền yêu cầu không được chấp nhận 44.949.000 đồng là 3.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Các Điều 24, Điều 301, Điều 306, Điều 310, Điều 311 Luật Thương mại năm 2005;

Khoản 5, Điều 7 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị H đối với Công ty TNHH DTV TV.

2. Xác nhận bà Hoàng Thị H đã tạm ứng trước cho Công ty TNHH DTV TV theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01.2012/HĐMB ngày 10/9/2016 số tiền là 445.000.000 đồng.

3. Xác nhận Công ty TNHH DTV TV đã hoàn trả cho bà Hoàng Thị H tổng cộng 3.000.000 đồng

4. Buộc Công ty TNHH DTV TV có nghĩa vụ thanh toán trả bà Hoàng Thị H các khoản sau theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01.2012/HĐMB ngày 10/9/2016:

- Tiền tạm ứng: 442.000.000 (bốn trăm, bốn mươi hai triệu) đồng;

- Phạt vi phạm hợp đồng: 35.600.000 (ba mươi năm triệu, sáu trăm nghìn) đồng;

- Tiền lãi: 47.500.000 (bốn mươi bảy triệu, năm trăm nghìn) đồng.

Tổng cộng 525.100.000 (năm trăm hai mươi năm triệu, một trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bà Hoàng Thị H có đơn thi hành án thì hàng tháng công ty TNHH DTV TV còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ

quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Về án phí:

4.1. Bị đơn - công ty TNHH DTV TV phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 25.004.000 đồng.

4.2. Nguyên đơn – bà Hoàng Thị H phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đối số tiền yêu cầu không được chấp nhận là 3.000.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 13.000.000 đồng theo biên lai thu số AA/2015/ 0003451 ngày 18/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ; hoàn trả lại cho bà H là 10.000.000 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H.Chương Mỹ;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Chương Mỹ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án/ Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai